TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H1 phúc**
Số: 71/2021/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 23 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 129/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn I, xã K, huyện Đ, tỉnh G.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn H2, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn I, xã K, huyện Đ, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110,116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Ngô Văn H2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Ngô Văn H2 có 01 con chung tên là: Ngô Đức S, sinh ngày 03/12/2008.

Chị Nguyễn Thị H1 và anh Ngô Văn H2 thỏa thuận, giao cháu Ngô Đức S, sinh ngày 03/12/2008 cho anh H2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho

đến cháu S thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Nguyễn Thị H1 và anh Ngô Văn H2 thỏa thuận, chị H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu S mức 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2021 cho đến cháu S thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Ngô Văn H2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí thuận tình ly hôn là: 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), chị H1 và anh H2 mỗi người phải chịu 75.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là: 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), chị H1 phải chịu 150.000 đồng. Chị H1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị H1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số số 0006538 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chị H1 đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã Ia Dơk;
- CCTHADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN